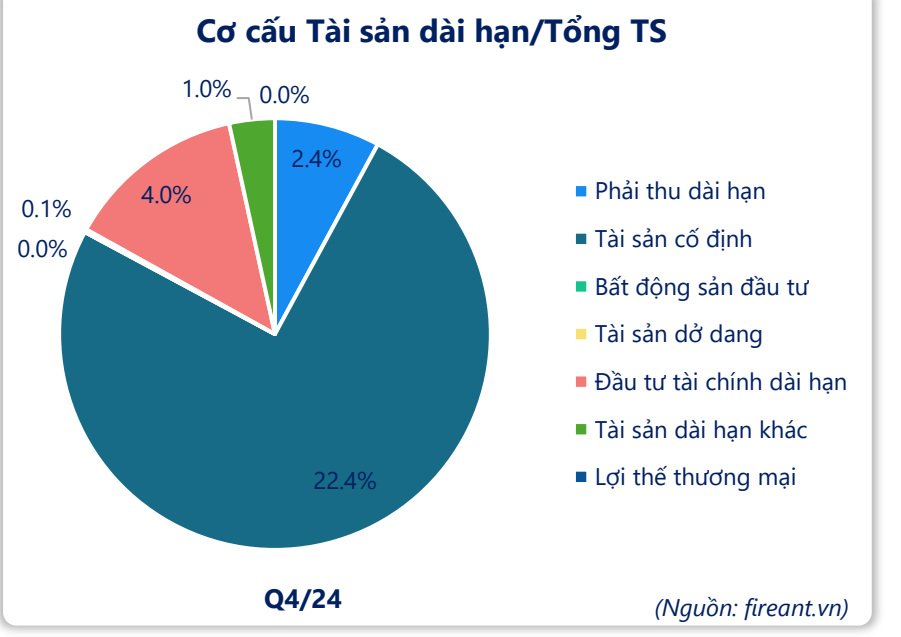
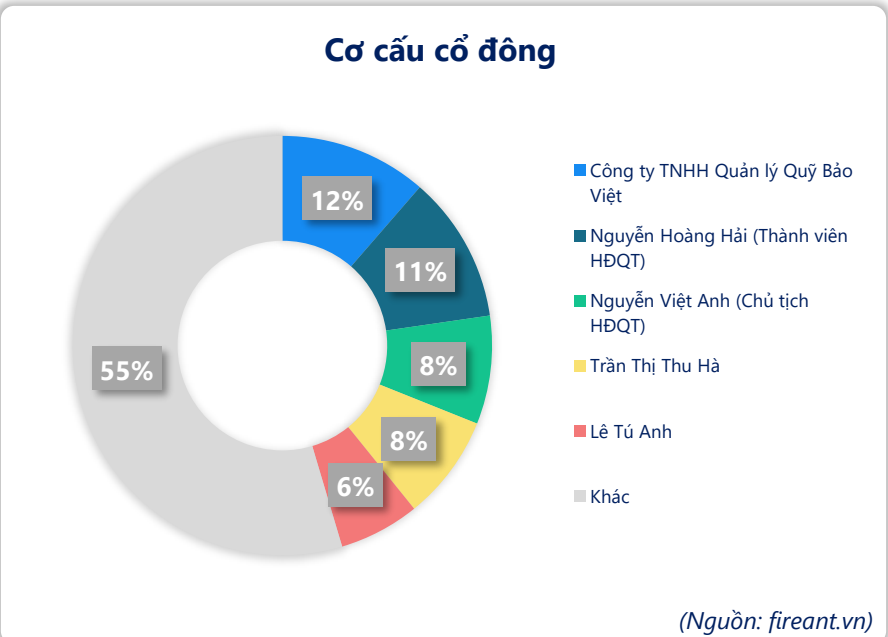
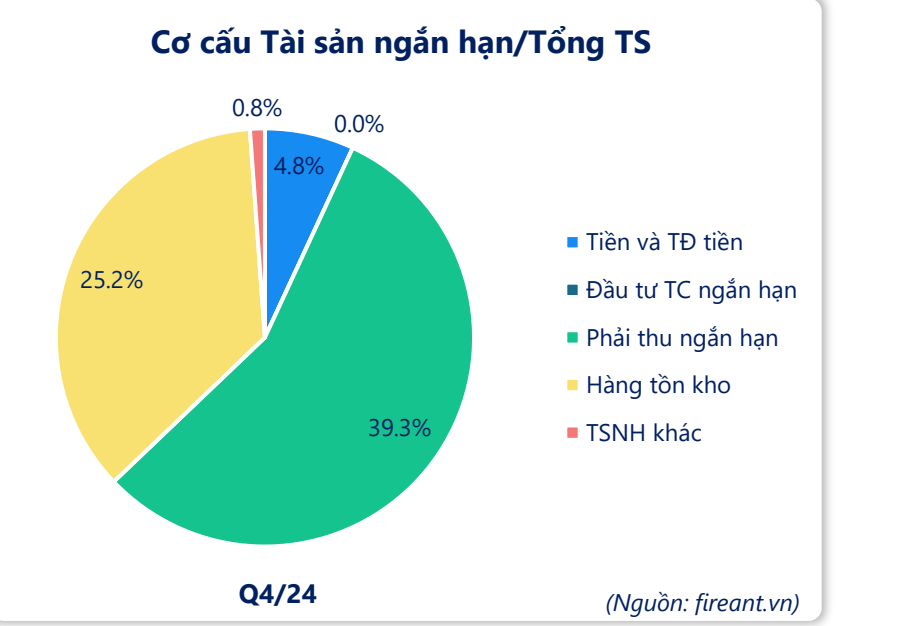
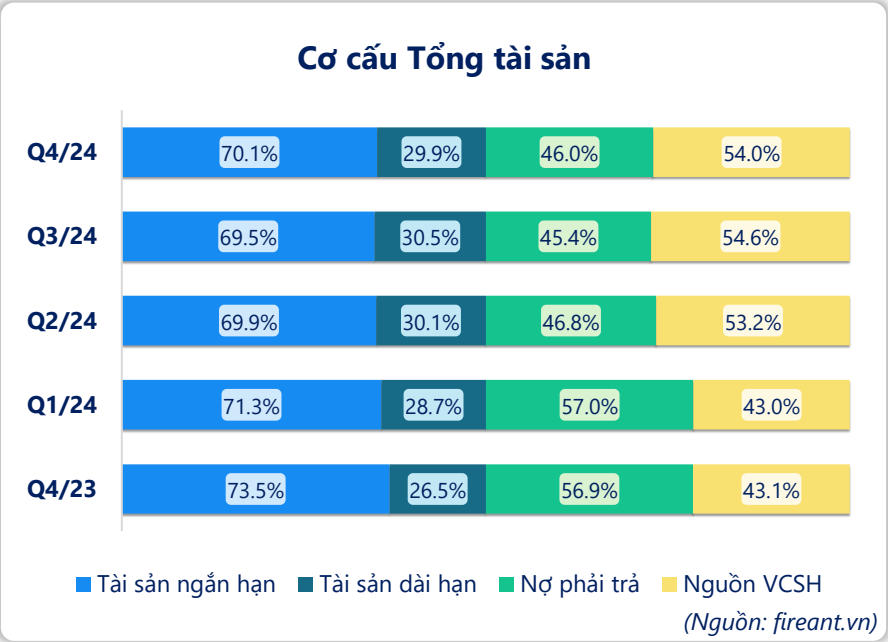
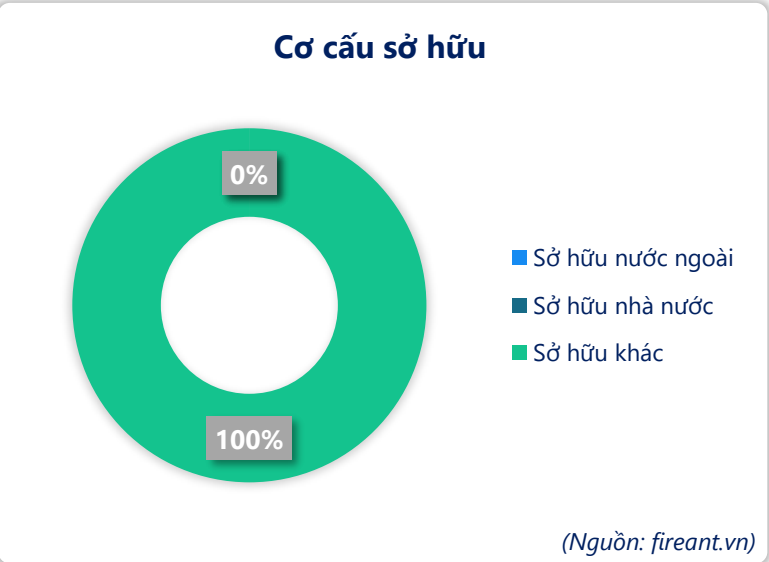
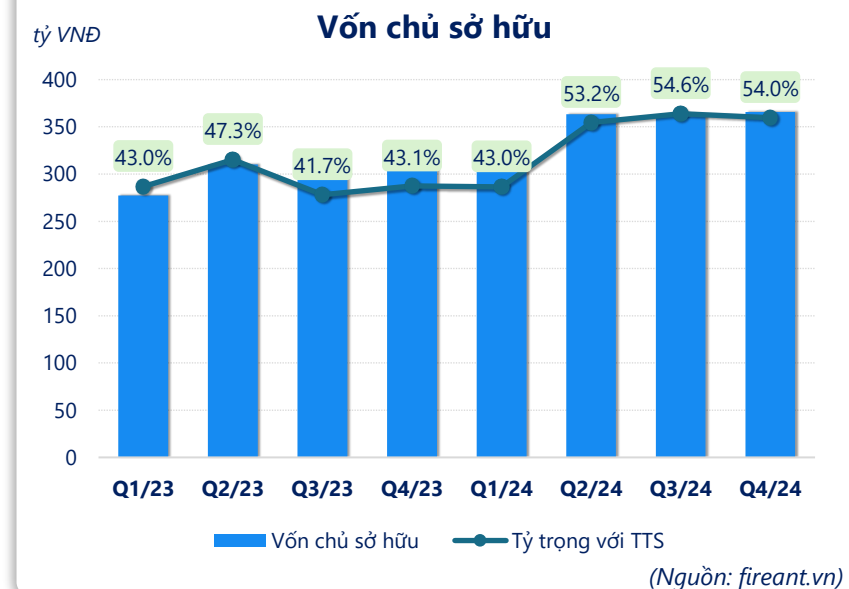
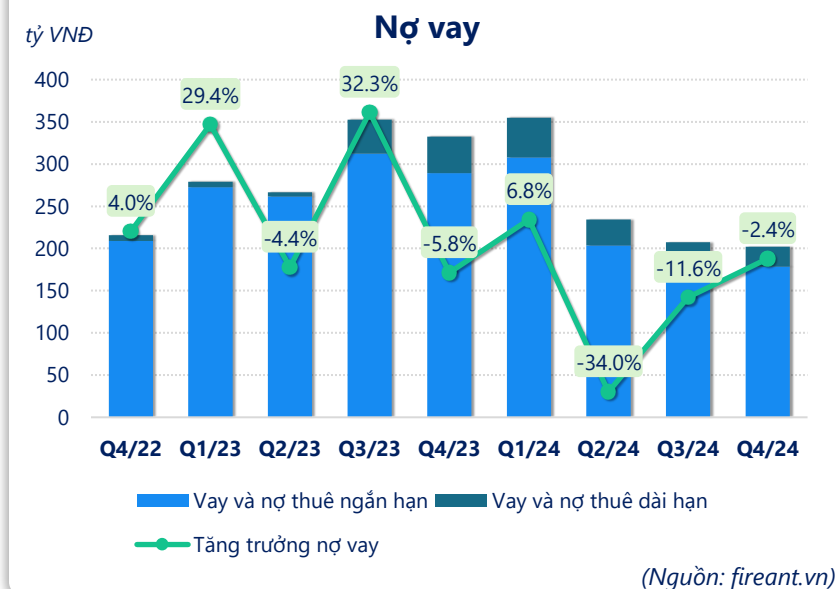
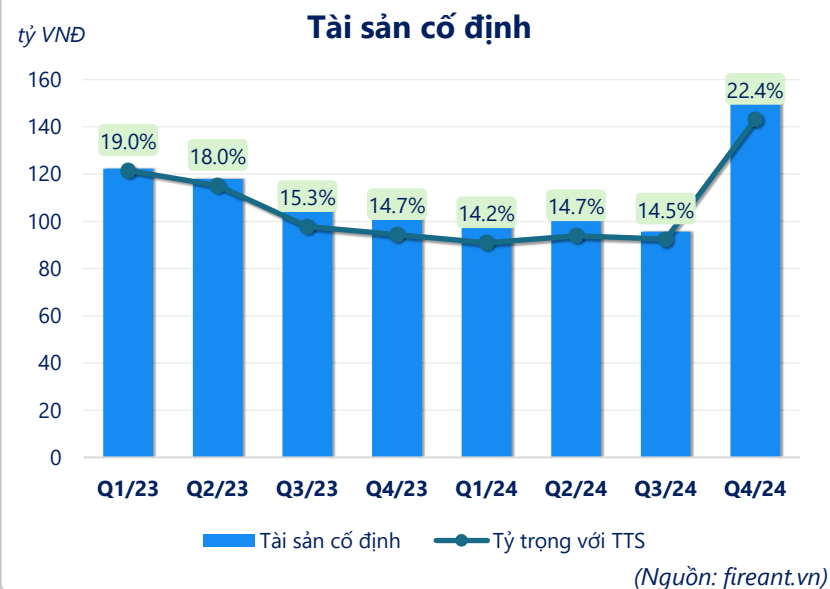
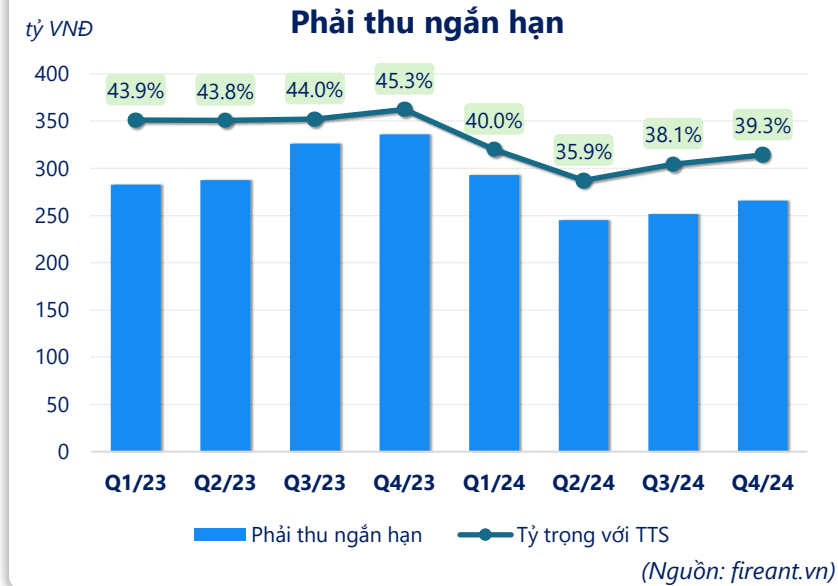
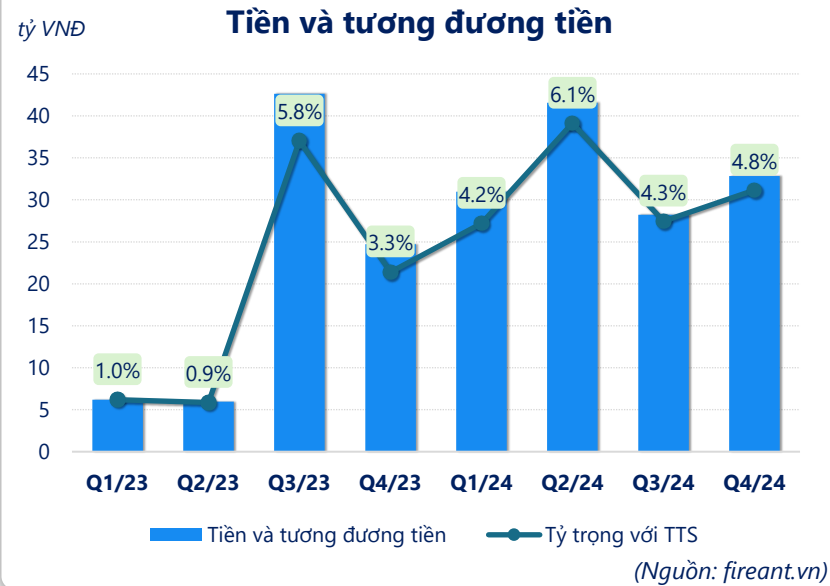
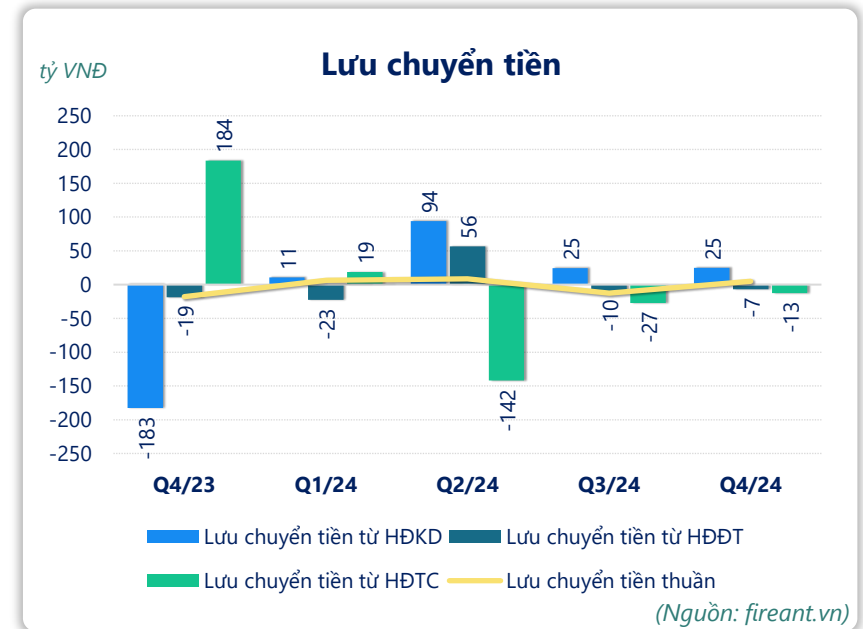
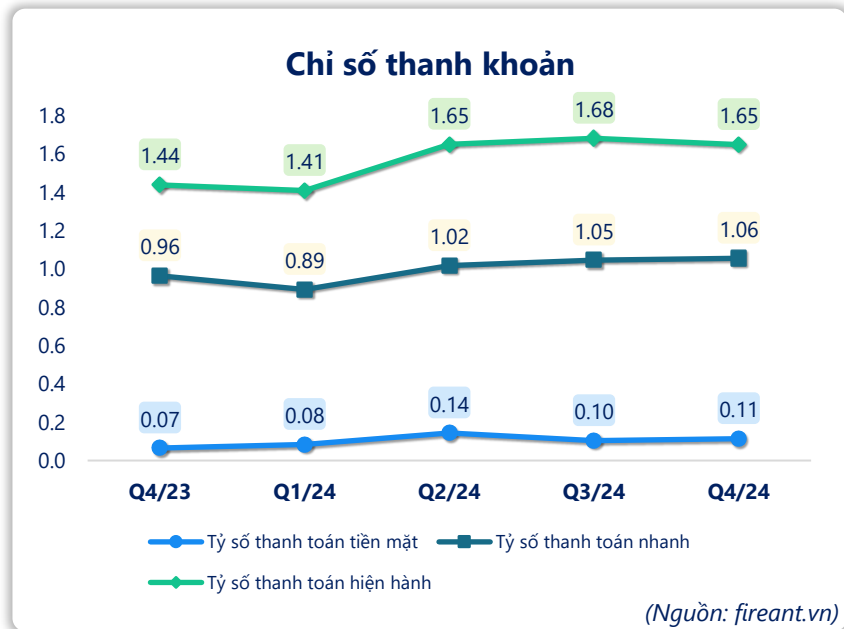
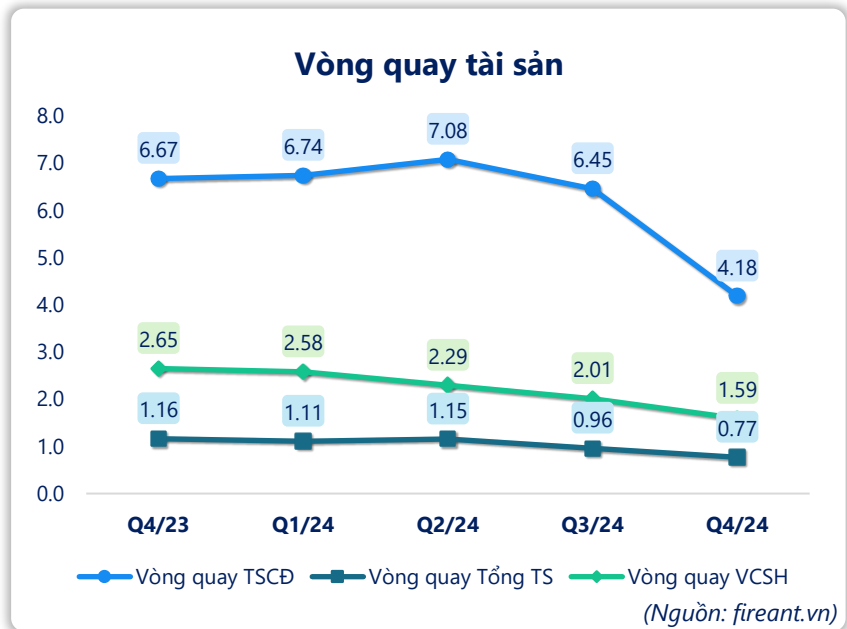
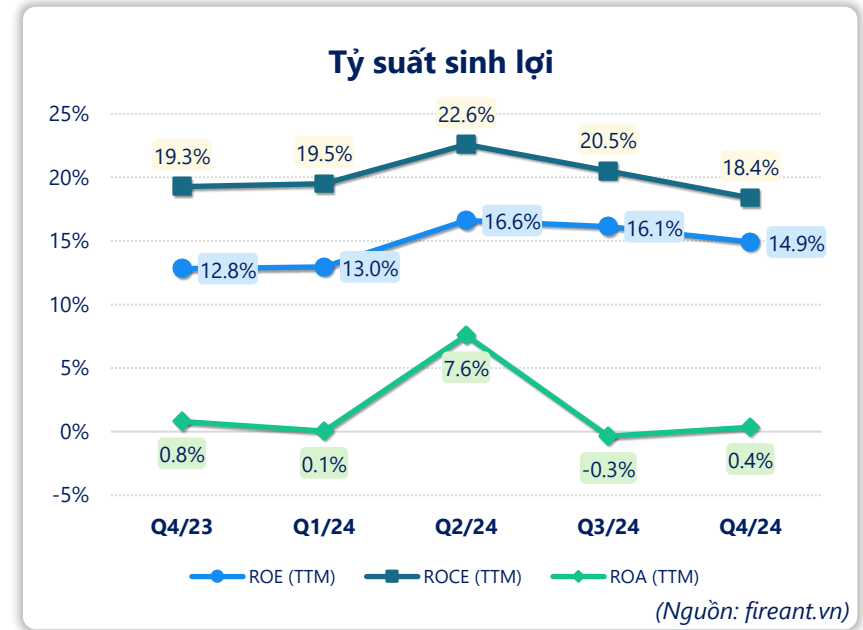
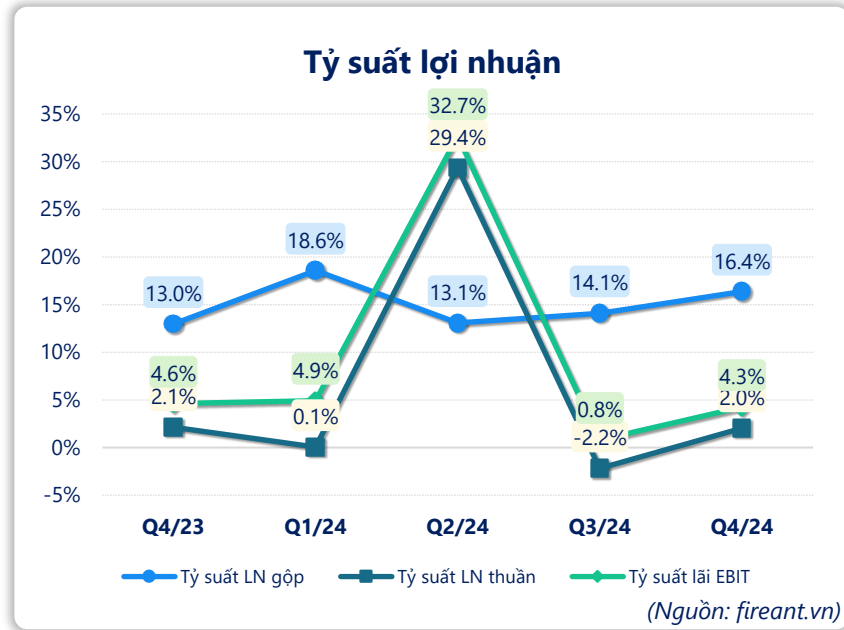
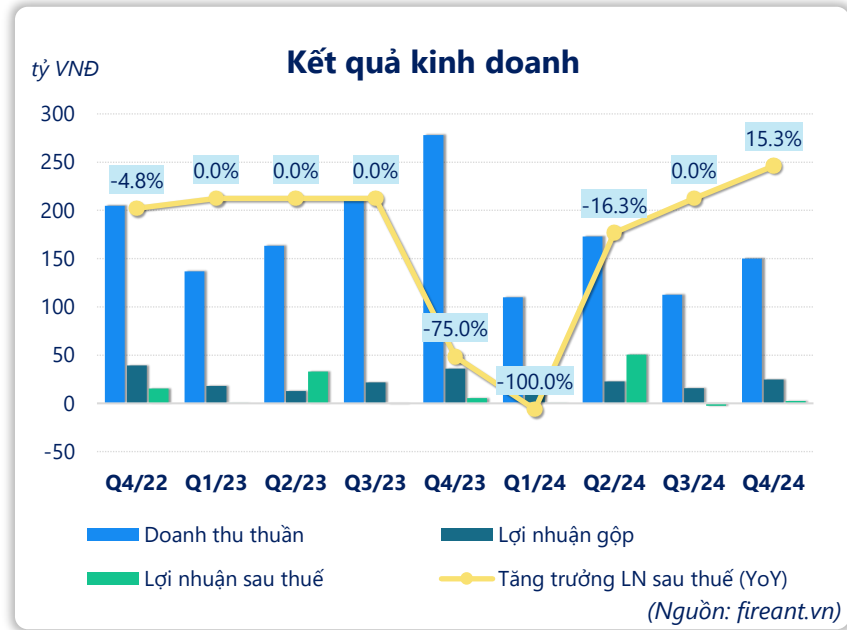


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		26,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		33,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		17,100
SL cổ phiếu LH		21,086,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,030
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		559
P/E		10.9
EPS		2,423

	YTD	1T	3T	6T
XHC		39.5%	32.5%	31.8%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	677	736	-8.0%
Tài sản ngắn hạn	475	524	-9.3%
Tiền và tương đương tiền	32.8	24.4	34.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	266	314	-15.4%
Hàng tồn kho	171	180	-5.2%
Tài sản ngắn hạn khác	5.45	4.79	13.8%
Tài sản dài hạn	202	213	-4.9%
Phải thu dài hạn	16.0	16.5	-3.0%
Tài sản cố định	152	109	38.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.46	47.4	-99.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	27.3	27.3	0.0%
Tài sản dài hạn khác	6.91	12.1	-42.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	312	422	-26.1%
Nợ ngắn hạn	288	384	-25.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	179	319	-44.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	72.5	34.8	108%
Nợ dài hạn	23.7	37.9	-37.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	23.7	37.9	-37.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	366	314	16.3%
Vốn chủ sở hữu	366	314	16.3%
Vốn điều lệ	211	211	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	278	110	173	113	150
Giá vốn hàng bán	242	89.5	150	96.7	125
Lợi nhuận gộp	36.1	20.4	22.6	15.8	24.5
Doanh thu HĐTC	0.63	0.02	51.6	0.11	0.81
Chi phí TC	6.89	5.05	5.86	3.44	3.88
Chi phí lãi vay	6.89	5.05	5.66	3.36	3.29
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	9.03	6.11	4.60	5.69	6.16
Chi phí QLDN	14.8	9.20	12.9	9.29	12.3
LN thuần từ HĐKD	5.96	0.06	50.7	-2.46	3.04
Lợi nhuận khác	-0.03	0.29	0.06	0.01	0.07
LN trước thuế	5.93	0.35	50.8	-2.45	3.11
Lợi nhuận sau thuế	5.44	0.35	50.7	-2.45	2.54
LNST của CĐ cty mẹ	5.44	0.35	50.7	-2.45	2.54

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-183	10.6	94.2	24.5	24.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-18.7	-22.8	56.4	-10.2	-6.91
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	184	18.7	-142	-27.2	-12.7
Tiền đầu kỳ	42.6	24.4	31.0	41.6	28.2
Lưu chuyển tiền thuần	-17.8	6.53	8.57	-12.8	5.11
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.11	0	2.02	-0.52	-0.52
Tiền cuối kỳ	24.7	31.0	41.6	28.2	32.8

(Nguồn: fireant.vn)